



Prudent & True

## **CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỐ KIẾN THIẾT TUYÊN QUANG**

*Báo cáo tài chính  
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018  
đã được kiểm toán*

---





## MỤC LỤC

<u>Nội dung</u>	<u>Trang</u>
Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 3
Báo cáo Kiểm toán độc lập	4 - 5
Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8 - 9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	11 - 26

010213  
CÔNG  
RÁCHNH  
KIỂM TOÁN  
F  
HÀNG



## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Xổ số Kiến thiết Tuyền Quang (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

### CÔNG TY

Công ty TNHH Một thành viên Xổ số Kiến thiết Tuyền Quang là doanh nghiệp TNHH 100% vốn Nhà nước được chuyển đổi từ Công ty Xổ số Tuyền Quang thành Công ty TNHH Một thành viên theo Quyết định số 103/QĐ-UBND ngày 15 tháng 04 năm 2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyền Quang. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Đăng ký thuế số 5000123794 ngày 22 tháng 04 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tuyền Quang cấp lần đầu. Đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 01 tháng 10 năm 2014.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là: 9.000.000.000 VND (Chín tỷ đồng)

Tên đại diện Chủ sở hữu: Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyền Quang.

Trụ sở hoạt động: Số 117, đường Lê Lợi, Tổ 28, phường Tân Quang, thành phố Tuyền Quang, tỉnh Tuyền Quang.

Ngành nghề kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh là:

STT	Tên Ngành	Mã ngành
1	Hoạt động xổ số, cá cược và đánh bạc: Chi tiết: Kinh doanh các loại hình xổ số (Doanh nghiệp chỉ hoạt động khi đã có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	9200(chính)
2	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch Chi tiết: Tổ chức tua du lịch nội địa.	7920
3	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Vận tải hành khách theo hợp đồng.	4932

### TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm.

### CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOÁ SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

### BAN GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG

Thành viên Ban Giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty trong năm và tại thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Thông tin bổ sung
Ông Lê Văn Đề	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 31/12/2018
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/12/2017
Ông Lương Văn Hoan	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 27/04/2015
Ông Vương Trọng Khánh	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 28/08/2017
Ông Lê Sơn Đông	Phụ trách kế toán	Bổ nhiệm ngày 01/12/2017

3859 -  
IGTY  
HỆM HỮU  
AN QUỐC  
NT  
MAI - TY



**KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế PNT (PNT Audit) đã kiểm toán Báo cáo tài chính năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty. PNT Audit bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty trong những năm tiếp theo.

**CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

*Tuyền Quang, ngày 30 tháng 01 năm 2019*

**TM Ban Giám đốc**  
**Giám đốc**









**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN QUỐC TẾ PNT**  
PNT INTERNATIONAL AUDITING CO., Ltd

Số: 02.4/2019/BCTC-PNT

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Ban Giám đốc**  
**Công ty TNHH Một thành viên Xô số Kiến thiết Tuyên Quang**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty TNHH Một thành viên Xô số Kiến thiết Tuyên Quang được lập ngày 20 tháng 01 năm 2019 từ trang 6 đến trang 26 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



*Ý kiến của Kiểm toán viên*

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng Kiến thiết Tuyên Quang tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế PNT**  
**Phó giám đốc**



**Phạm Công Minh**

*Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán*  
*số: 0410-2018-136-1*

*Hà Nội, ngày 30 tháng 01 năm 2019*

**Kiểm toán viên**

**Đặng Hải Hà**

*Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán*  
*số: 2558-2018-136-1*



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Cuối năm	Đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100 = 110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>15.765.619.076</b>	<b>18.466.200.466</b>
<b>I- Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>1.623.446.757</b>	<b>4.985.363.140</b>
1. Tiền	111	V.01	1.623.446.757	4.985.363.140
<b>II- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>12.957.494.464</b>	<b>12.308.671.842</b>
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.02a	12.957.494.464	12.308.671.842
<b>III- Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>765.164.281</b>	<b>682.427.402</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	99.596.370	69.603.088
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04	665.567.911	612.824.314
<b>IV- Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>108.091.970</b>	<b>189.631.570</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.05	108.091.970	189.631.570
<b>V- Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>311.421.604</b>	<b>300.106.512</b>
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		23.077.400	
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.09b	288.344.204	300.106.512
<b>B- TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>8.177.919.331</b>	<b>6.747.868.532</b>
<b>II- Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>5.934.904.780</b>	<b>6.185.680.645</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.06	5.934.904.780	6.185.680.645
- Nguyên giá	222		7.792.418.529	7.694.418.529
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.857.513.749)	(1.508.737.884)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.07		
- Nguyên giá	228		192.000.000	192.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(192.000.000)	(192.000.000)
<b>IV- Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>1.449.271.465</b>	
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		1.449.271.465	
<b>V- Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>81.772.282</b>	<b>81.772.282</b>
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.02b	81.772.282	81.772.282
<b>VI- Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>711.970.804</b>	<b>480.415.605</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.08	711.970.804	480.415.605
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>23.943.538.407</b>	<b>25.214.068.998</b>



NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Cuối năm	Đầu năm
<b>C- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>14.004.631.463</b>	<b>16.214.068.998</b>
<b>I- Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>13.361.131.463</b>	<b>15.614.068.998</b>
1. Phải trả cho người bán ngắn hạn	311		14.275.561	869.718.106
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.461.990.931	1.370.841.101
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.09a	2.136.992.196	3.113.770.467
4. Phải trả người lao động	314		709.407.485	970.287.058
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.10a	965.600.378	891.646.592
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.11	6.943.689.634	7.450.549.832
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.129.175.278	947.255.842
<b>II- Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>643.500.000</b>	<b>600.000.000</b>
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.10b	643.500.000	600.000.000
<b>B- VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>9.938.906.944</b>	<b>9.000.000.000</b>
<b>I- Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.12</b>	<b>9.938.906.944</b>	<b>9.000.000.000</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		9.000.000.000	9.000.000.000
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		938.906.944	
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)</b>	<b>440</b>		<b>23.943.538.407</b>	<b>25.214.068.998</b>

Tuyên Quang, ngày 20 tháng 01 năm 2019

Người lập biểu

Kế toán trưởng



Lê Sơn Đông



Giám đốc  
Nguyễn Thanh Tùng





## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2018

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
<b>1. Doanh thu</b>	<b>01</b>	<b>VI.01</b>	<b>76.795.437.064</b>	<b>72.974.648.302</b>
1.1. Doanh thu kinh doanh xổ số	01.1		76.786.268.183	72.959.264.546
1.1.1. Xổ số truyền thống	01.1.1		7.375.045.455	7.889.518.182
1.1.2. Xổ số cào	01.1.2			
1.1.3. Xổ số bóc	01.1.3		805.654.546	868.750.001
1.1.4. Xổ số lô tô	01.1.4		48.905.372.727	46.665.564.545
1.1.5. Xổ số cặp	01.1.5		19.700.195.455	17.535.431.818
1.2. Doanh thu kinh doanh khác	01.2		9.168.881	15.383.756
<b>Các khoản giảm trừ</b>	<b>02</b>	<b>VI.02</b>	<b>10.015.600.200</b>	<b>9.516.425.810</b>
2.1. Giảm trừ doanh thu kinh doanh xổ số	02.1		10.015.600.200	9.516.425.810
2.1.1. Xổ số truyền thống	02.1.1		961.962.453	1.029.067.589
2.1.2. Xổ số cào	02.1.2			
2.1.3. Xổ số bóc	02.1.3		105.085.376	113.315.218
2.1.4. Xổ số lô tô	02.1.4		6.378.961.660	6.086.812.767
2.1.5. Xổ số cặp	02.1.5		2.569.590.712	2.287.230.237
2.2. Giảm trừ doanh thu khác	02.2			
<b>Doanh thu thuần (10=01-02)</b>	<b>10</b>	<b>VI.03</b>	<b>66.779.836.864</b>	<b>63.458.222.492</b>
3.1. Doanh thu thuần kinh doanh xổ số	10.1		66.770.667.983	63.442.838.736
3.1.1. Xổ số truyền thống	10.1.1		6.413.083.002	6.860.450.593
3.1.2. Xổ số cào	10.1.2			
3.1.3. Xổ số bóc	10.1.3		700.569.170	755.434.783
3.1.4. Xổ số lô tô	10.1.4		42.526.411.067	40.578.751.778
3.1.5. Xổ số điện cặp	10.1.5		17.130.604.743	15.248.201.581
3.2. Doanh thu thuần kinh doanh khác	10.2		9.168.881	15.383.756
<b>4. Chi phí kinh doanh</b>	<b>11</b>	<b>VI.04</b>	<b>53.827.520.396</b>	<b>51.555.212.541</b>
4.1. Chi phí kinh doanh xổ số	11.1		53.827.520.396	51.555.212.541
4.1.1. Chi phí trả thưởng	11.1.1		44.515.030.000	42.145.554.443
4.1.2. Chi phí trực tiếp phát hành xổ số	11.1.2		9.312.490.396	9.409.658.098
4.2. Giá vốn hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ đã bán	11.2			
<b>5. Lợi nhuận gộp (20=10-11)</b>	<b>20</b>		<b>12.952.316.468</b>	<b>11.903.009.951</b>
5.1. Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh xổ số	20.1		12.943.147.587	11.887.626.195
5.2. Lợi nhuận gộp từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ khác	20.2		9.168.881	15.383.756



**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỐ KIẾN THIẾT TUYỀN QUANG**

Số 117, đường Lê Lợi, Tổ 28, phường Tân Quang,  
Thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

*Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (tiếp theo)*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

MẪU B02 - XS

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.05	657.751.230	454.103.227
7. Chi phí tài chính	22			
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23			
8. Chi phí bán hàng	24	VI.08a		
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.08b	9.419.945.717	8.287.327.388
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b> <b>{30 = 20+(21-22)-(24+25)}</b>	<b>30</b>		<b>4.190.121.981</b>	<b>4.069.785.790</b>
11. Thu nhập khác	31	VI.06	3.966.636	5.409.300
12. Chi phí khác	32	VI.07	20.885.116	22.583.889
<b>13. Lợi nhuận khác (40=31-32)</b>	<b>40</b>		<b>(16.918.480)</b>	<b>(17.174.589)</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b> <b>(50=30+40)</b>	<b>50</b>		<b>4.173.203.501</b>	<b>4.052.611.201</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.09	847.265.723	815.039.018
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
<b>17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>3.325.937.778</b>	<b>3.237.572.183</b>

Tuyên Quang, ngày 20 tháng 01 năm 2019

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Lê Sơn Đông



Nguyễn Thanh Tùng





## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2018

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp DV và doanh thu khác	01		84.018.421.129	79.262.372.763
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(1.075.949.000)	(298.980.000)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(5.135.437.690)	(3.747.025.042)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(852.863.689)	(1.215.561.747)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		2.344.756.333	34.931.139.983
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(81.115.682.429)	(108.351.542.447)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(1.816.755.346)</b>	<b>580.403.510</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(1.554.089.645)	(767.961.818)
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(648.822.622)	(4.418.462.701)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		657.751.230	454.103.227
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(1.545.161.037)</b>	<b>(4.732.321.292)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(3.361.916.383)	(4.151.917.782)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		4.985.363.140	9.137.280.922
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		<b>1.623.446.757</b>	<b>4.985.363.140</b>

Tuyên Quang, ngày 20 tháng 01 năm 2019

Người lập biểu

Kế toán trưởng

*(Chữ ký)*

Lê Sơn Đông

Giám đốc



*(Chữ ký)*  
Nguyễn Thanh Tùng



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2018

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH Một thành viên Xổ số Kiến thiết Tuyên Quang là doanh nghiệp TNHH 100% vốn Nhà nước được chuyển đổi từ Công ty Xổ số Tuyên Quang thành Công ty TNHH Một thành viên theo Quyết định số 103/QĐ-UBND ngày 15/04/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Đăng ký thuế số 5000123794 ngày 22 tháng 04 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tuyên Quang cấp lần đầu. Đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 01 tháng 10 năm 2014.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh chủ yếu của Công ty là : Kinh doanh các loại hình xổ số.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh là:

STT	Tên Ngành	Mã ngành
1	Hoạt động xổ số, cá cược và đánh bạc: Chi tiết: Kinh doanh các loại hình xổ số (Doanh nghiệp chỉ hoạt động khi đã có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	9200(chính)
2	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch Chi tiết: Tổ chức tua du lịch nội địa.	7920
3	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Vận tải hành khách theo hợp đồng.	4932

### II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

#### 1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

#### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính; Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 168/2009/TT-BTC ngày 19/8/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty xổ số kiến thiết.

#### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.





### 3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán: Chứng từ ghi sổ trên máy vi tính.

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003.

Các khoản tương đương tiền là khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại ngày kết thúc năm tài chính.

### 2. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Nguyên tắc xác định khoản phải thu khách hàng dựa theo hợp đồng và ghi nhận theo số lượng và giá trị vé xuất cho khách hàng (đại lý).

Khoản trả trước cho người bán được hạch toán căn cứ vào phiếu chi, chứng từ ngân hàng và hợp đồng kinh tế.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ trên sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị giải thể, phá sản hay các khó khăn tương tự phù hợp với quy định tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

### 3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thành phẩm tồn kho được xác định theo phương pháp đích danh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho đối với hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém, mất phẩm chất là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, được trích lập phù hợp với quy định tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

### 4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Công ty thực hiện trích khấu hao tài sản cố định theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC.



Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao TSCĐ được ước tính như sau:

- Nhà cửa vật kiến trúc:	05-10	năm
- Máy móc, thiết bị:	05-12	năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn:	06-10	năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý:	03-05	năm
- Phần mềm Xổ số lô tô:	03	năm

#### 5. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc.

#### 6. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Công cụ, dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn và bản thân công cụ, dụng cụ tham gia vào hoạt động sản xuất kinh doanh trên một năm tài chính;
- Chi phí trả trước phục vụ cho hoạt động kinh doanh của nhiều năm tài chính;
- Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ phát sinh một lần có giá trị lớn doanh nghiệp không thực hiện trích trước chi phí sửa chữa lớn TSCĐ;

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp tỷ lệ trên tổng số dư chi phí trả trước dài hạn. Số liệu chi tiết thể hiện trên thuyết minh V.14 "Chi phí trả trước dài hạn" phần thuyết minh bổ sung cho các khoản mục trình bày trên Bảng cân đối kế toán.

Thời gian phân bổ được ước tính từ 1 đến 2 năm.

#### 7. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Nguyên tắc xác định khoản phải trả người bán dựa theo hợp đồng, phiếu nhập kho và ghi nhận theo giá trị hoá đơn mua hàng.

Khoản người mua trả trước được ghi nhận căn cứ vào hợp đồng, phiếu thu, chứng từ ngân hàng.

#### 8. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tiền lương

Quỹ tiền lương của viên chức quản lý chuyên trách xác định theo Thông tư số 27/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016, còn quỹ tiền lương của người lao động được xác định theo Thông tư số 26/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

#### 9. Nguyên tắc ghi nhận các khoản nhận ký quỹ, ký cược

Các khoản nhận ký quỹ, ký cược được ghi nhận trên cơ sở số tiền đặt cọc thực tế của các đơn vị, cá nhân bên ngoài với thời hạn từ một năm trở lên để đảm bảo cho các dịch vụ liên quan đến sản xuất, kinh doanh được thực hiện đúng hợp đồng kinh tế đã ký kết như: (nhận tiền ký cược, ký quỹ để đảm bảo việc thực hiện hợp đồng kinh tế, hợp đồng đại lý xổ số).



Mức đặt cọc đại lý xổ số năm 2018 đơn vị đang áp dụng 1.500.000 VND/đại lý.

Tổng số đại lý xổ số đang thực hiện dịch vụ là 482 đại lý.

#### 10. Nguyên tắc ghi nhận dự phòng rủi ro trả thưởng

Dự phòng rủi ro trả thưởng được trích lập hàng năm tính vào chi phí phát hành xổ số dùng để làm nguồn chi trả thưởng trong trường hợp tỷ lệ trả thưởng thực tế trong năm lớn hơn tỷ lệ trả thưởng xây dựng hoặc kế hoạch;

Mức trích lập hàng năm phải đảm bảo tổng số dư quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng không được vượt quá 10% tổng doanh thu có thuế của tất cả các loại hình xổ số được phép trích lập tại thời điểm trích lập và doanh nghiệp không bị lỗ.

#### 11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

#### 12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Một khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu thanh toán nghĩa vụ nợ; và
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Dự phòng phải trả được ghi nhận dựa trên ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Khoản dự phòng phải trả được lập tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Trường hợp số dự phòng phải trả cần lập ở kỳ kế toán này lớn hơn số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì chênh lệch được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ kế toán đó. Trường hợp số dự phòng phải trả lập ở kỳ kế toán này nhỏ hơn số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch phải được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ kế toán đó (đối với hoàn nhập dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp ghi vào TK 711 "Thu nhập khác").

#### 13. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu;

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập năm nay;

Lợi nhuận của doanh nghiệp kinh doanh xổ số sau khi bù đắp lỗ năm trước theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, trích quỹ phát triển khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật, nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của pháp luật, lợi nhuận còn lại được phân phối theo hướng dẫn tại Điều 31, Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015.



#### 14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

##### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

##### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

##### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

#### 15. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ

Các khoản giảm trừ doanh thu dùng để phản ánh các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ, gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại, thuế TTĐB, thuế xuất khẩu, thuế bảo vệ môi trường. Các khoản giảm trừ này không phản ánh các khoản thuế được giảm trừ vào doanh thu như thuế GTGT đầu ra phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp.

#### 16. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ được ghi nhận đúng kỳ và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Công ty ghi nhận vào giá vốn hàng bán (nếu có):

- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho;
- Giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có).





Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho.

#### 17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí kinh doanh

Chi phí kinh doanh bao gồm chi phí trả thưởng và chi phí trực tiếp phát hành xổ số.

Các khoản chi phí kinh doanh được ghi nhận là số tiền đã trả thưởng cho các loại vé xổ số trúng thưởng và các loại chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành xổ số trong kỳ hạch toán.

#### 18. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

#### 19. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

*Chi phí bán hàng:*

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa (trừ hoạt động xây lắp), chi phí nhân viên, chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển, ...

*Chi phí quản lý doanh nghiệp:*

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp, ...); Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn của nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp; Chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động; Khấu hao TSCĐ dùng cho bộ phận quản lý; Tiền thuê đất, thuê môn bài; Khoản dự phòng phải thu khó đòi; Dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, bảo hiểm, ...); Chi phí bằng tiền khác (chi phí hội nghị, tiếp khách, công tác phí, ...).

#### 20. Các nghĩa vụ về thuế

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Các loại thuế, phí khác, doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

#### 21. Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan là các doanh nghiệp (kể cả Công ty mẹ, Công ty con, các Công ty con cùng tập đoàn, Công ty liên kết), các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.



**V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán****01. Tiền**

	Cuối năm	Đầu năm
Tiền mặt	771.422.959	945.868.782
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	852.023.798	4.039.494.358
Tiền đang chuyển		
<b>Cộng</b>	<b>1.623.446.757</b>	<b>4.985.363.140</b>

**02. Các khoản đầu tư tài chính***a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
<i>a1) Ngắn hạn</i>	12.957.494.464	12.957.494.464	12.308.671.842	12.308.671.842
- Tiền gửi có kỳ hạn	12.957.494.464	12.957.494.464	12.308.671.842	12.308.671.842
- Trái phiếu				
- Các khoản đầu tư khác				

*a2) Dài hạn*

- Tiền gửi có kỳ hạn
- Trái phiếu
- Các khoản đầu tư khác

*b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (trang 18)***03. Phải thu của khách hàng**

	Cuối năm	Đầu năm
<i>a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn</i>	99.596.370	69.603.088
- Chi tiết các khoản phải thu của khách hàng chiếm từ 10% trở lên trên tổng phải thu khách hàng:		
- Các đối tượng khác	99.596.370	69.603.088



**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XÓ SỔ KIẾN THIẾT TUYẾN QUANG**

Số 117, đường Lê Lợi, Tổ 28, phường Tân Quang,

Thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

*Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

MÃU B09 - XS

**02. Các khoản đầu tư tài chính**

**b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc
- Đầu tư vào công ty con				
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	81.772.282		81.772.282	81.772.282
- Đầu tư vào đơn vị khác				



## 04. Phải thu khác

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>665.567.911</b>		<b>612.824.314</b>	
- Tạm ứng	633.325.000		609.420.000	
- Phải thu khác	31.382.252		3.404.314	
- Dự nợ phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	860.659			
<b>b) Dài hạn</b>				
<b>Cộng</b>	<b>665.567.911</b>		<b>612.824.314</b>	

## 05. Hàng tồn kho

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Vé xổ số:	108.091.970		189.631.570	
+ Vé xổ số truyền thống	12.762.080		12.911.480	
+ Vé xổ số bốc	30.750.000		42.750.000	
+ Vé xổ số lô tô	37.408.150		94.471.650	
+ Vé xổ số điện toán				
+ Vé xổ số lô tô cặp	27.171.740		39.498.440	
<b>Cộng</b>	<b>108.091.970</b>		<b>189.631.570</b>	

## 06. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình: (trang 20)

## 07. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

NGUYÊN GIÁ	Phần mềm Xổ số lô tô	Cộng
Số dư đầu năm	192.000.000	192.000.000
Mua trong năm		
Chuyển sang chi phí trả trước		
Số dư cuối năm	192.000.000	192.000.000
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>		
Số dư đầu năm	(192.000.000)	(192.000.000)
Khấu hao trong năm		
Chuyển sang chi phí trả trước		
Số dư cuối năm	(192.000.000)	(192.000.000)
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Tại ngày đầu năm		
Tại ngày cuối năm		





**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỞ KIẾN THIẾT TUYẾN QUANG**

Số 117, đường Lê Lợi, Tổ 28, phường Tân Quang,

Thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

*Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu B09 - XS

**06. Tài sản cố định hữu hình**

CHỈ TIÊU	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Cộng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Số dư đầu năm	6.220.870.841	185.995.000	1.047.355.536	205.880.952	34.316.200	7.694.418.529
Mua trong năm		98.000.000				98.000.000
Đầu tư XD/CB hoàn thành						
Tặng khác						
Chuyển sang BĐS đầu tư						
Thanh lý, nhượng bán						
Giảm khác						
Số dư cuối năm	6.220.870.841	283.995.000	1.047.355.536	205.880.952	34.316.200	7.792.418.529
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
Số dư đầu năm	(207.362.364)	(90.944.668)	(970.233.700)	(205.880.952)	(34.316.200)	(1.508.737.884)
Khấu hao trong năm	(207.362.364)	(64.291.665)	(77.121.836)			(348.775.865)
Tặng khác						
Chuyển sang BĐS đầu tư						
Thanh lý, nhượng bán						
Giảm khác						
Số dư cuối năm	(414.724.728)	(155.236.333)	(1.047.355.536)	(205.880.952)	(34.316.200)	(1.857.513.749)
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Tại ngày đầu năm	6.013.508.477	95.050.332	77.121.836			6.185.680.645
Tại ngày cuối năm	5.806.146.113	128.758.667				5.934.904.780

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo tiền vay:

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý:

1.287.552.688





**08. Chi phí trả trước**

	Cuối năm	Đầu năm
<i>a) Ngắn hạn</i>		
<i>b) Dài hạn</i>	711.970.804	480.415.605
- Chi phí trả trước về thuê hoạt động TSCĐ		
- Công cụ dụng cụ sản xuất	711.970.804	480.415.605
<b>Cộng</b>	<b>711.970.804</b>	<b>480.415.605</b>

**09. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

	Đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Cuối năm
<i>a) Phải nộp</i>				
Thuế giá trị gia tăng phải nộp	503.557.620	7.689.784.161	7.525.037.849	668.303.932
- Thuế giá trị gia tăng đầu ra (gồm cả thuế GTGT đã khấu trừ)	503.557.620	7.689.784.161	7.525.037.849	668.303.932
Thuế tiêu thụ đặc biệt	795.207.587	10.015.600.200	9.919.876.485	890.931.302
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(19.601.646)	855.713.723	852.863.689	(16.751.612)
Thuế thu nhập cá nhân	4.388.952	319.419.218	219.129.951	104.678.219
Thuế nhà đất, tiền thuê đất		178.819.032	178.819.032	
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp	1.810.616.308	1.281.557.861	2.619.095.426	473.078.743
<b>Cộng</b>	<b>3.113.770.467</b>	<b>20.340.894.195</b>	<b>21.314.822.432</b>	<b>2.136.992.196</b>

	Cuối năm	Đầu năm
<i>b) Phải thu</i>		
Thuế thu nhập doanh nghiệp	40.833.012	43.683.046
Thuế thu nhập cá nhân	247.511.192	256.423.466
<b>Cộng</b>	<b>288.344.204</b>	<b>300.106.512</b>

**10. Phải trả khác**

	Cuối năm	Đầu năm
<i>a) Ngắn hạn</i>		
Kinh phí công đoàn	20.409.751	30.140.539
Các khoản phải trả, phải nộp khác	923.053.357	849.507.158
Phải thu khác (đư có)	22.137.270	11.998.895
<b>Cộng</b>	<b>965.600.378</b>	<b>891.646.592</b>

<i>b) Dài hạn</i>		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	643.500.000	600.000.000
<b>Cộng</b>	<b>643.500.000</b>	<b>600.000.000</b>

**11. Dự phòng phải trả**

	Cuối năm	Đầu năm
<i>a) Ngắn hạn</i>		
Dự phòng rủi ro trả thưởng	6.943.689.634	7.450.549.832
<b>Cộng</b>	<b>6.943.689.634</b>	<b>7.450.549.832</b>



**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XÓ SÓ KIẾN THIẾT TUYẾN QUANG**

Số 117, đường Lê Lợi, Tò 28, phường Tân Quang,  
Thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.  
*Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu B09 - XS

**12. Vốn chủ sở hữu**

**a, Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

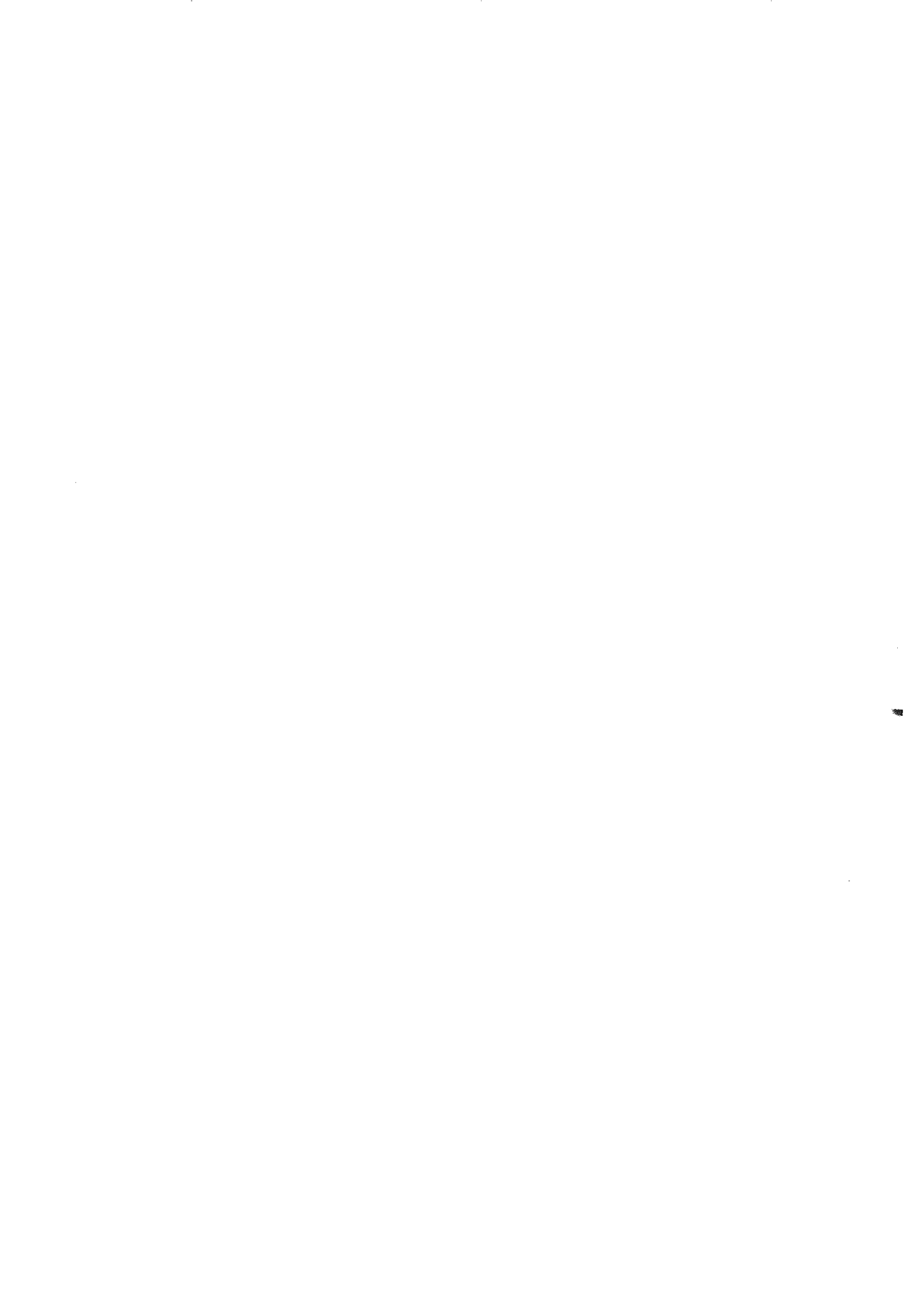
Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quý đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Đơn vị tính: VND
Số dư đầu năm trước	9.000.000.000				9.000.000.000
Tăng vốn trong năm trước					
Lãi trong năm trước			3.237.572.183		3.237.572.183
Trích lập các quỹ			(3.237.572.183)		(3.237.572.183)
Giảm khác					
Số dư đầu năm nay	9.000.000.000				9.000.000.000
Tăng vốn trong năm nay					
Lãi trong năm nay		1.000.000.000	3.325.937.778		3.325.937.778
Trích lập các quỹ		(61.093.056)	(3.325.937.778)		(2.325.937.778)
Giảm khác (*)					(61.093.056)
Số dư cuối năm nay	9.000.000.000	938.906.944			9.938.906.944

(\*) Giảm quỹ do thực hiện thông tư số 61/2016/TT-BTC ngày 11/4/2016 về việc hướng dẫn thu, nộp và quản lý lợi nhuận, cổ tức được chia cho phần vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp.

**b, Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vốn đầu tư của Nhà nước	9.000.000.000	9.000.000.000
Vốn góp của các đối tượng khác		
Cộng	9.000.000.000	9.000.000.000





**c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	9.000.000.000	9.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm		
+ Vốn góp giảm trong năm		
+ Vốn góp cuối năm	9.000.000.000	9.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia, phân phối	3.325.937.778	3.237.572.183

**VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh****01. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu kinh doanh Xổ số	76.786.268.183	72.959.264.546
+ Xổ số truyền thống	7.375.045.455	7.889.518.182
+ Xổ số cào		
+ Xổ số bốc	805.654.546	868.750.001
+ Xổ số lô tô	48.905.372.727	46.665.564.545
+ Xổ số cặp	19.700.195.455	17.535.431.818
Doanh thu kinh doanh khác	9.168.881	15.383.756
<b>Cộng</b>	<b>76.795.437.064</b>	<b>72.974.648.302</b>

**02. Các khoản giảm trừ doanh thu**

	Năm nay	Năm trước
Giảm trừ doanh thu kinh doanh xổ số	10.015.600.200	9.516.425.810
+ Xổ số truyền thống	961.962.453	1.029.067.589
+ Xổ số cào		
+ Xổ số bốc	105.085.376	113.315.218
+ Xổ số lô tô	6.378.961.660	6.086.812.767
+ Xổ số cặp	2.569.590.712	2.287.230.237
Giảm trừ doanh thu khác		
<b>Cộng</b>	<b>10.015.600.200</b>	<b>9.516.425.810</b>

**03. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu kinh doanh Xổ số	66.770.667.983	63.442.838.736
+ Xổ số truyền thống	6.413.083.002	6.860.450.593
+ Xổ số cào		
+ Xổ số bốc	700.569.170	755.434.783
+ Xổ số lô tô	42.526.411.067	40.578.751.778
+ Xổ số cặp	17.130.604.743	15.248.201.581
Doanh thu kinh doanh khác	9.168.881	15.383.756
<b>Cộng</b>	<b>66.779.836.864</b>	<b>63.458.222.492</b>







**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỐ KIẾN THIẾT TUYỀN QUANG**

Số 117, đường Lê Lợi, Tổ 28, phường Tân Quang,

Thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

*Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

MẪU B09 - XS

**04. Chi phí kinh doanh**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí kinh doanh xố số	53.827.520.396	51.555.212.541
- Chi phí trả thưởng	44.515.030.000	42.145.554.443
- Chi phí trực tiếp phát hành xố số	9.312.490.396	9.409.658.098
Giá vốn hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ đã bán		
<b>Cộng</b>	<b>53.827.520.396</b>	<b>51.555.212.541</b>

**05. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	657.751.230	454.103.227
<b>Cộng</b>	<b>657.751.230</b>	<b>454.103.227</b>

**06. Thu nhập khác**

	Năm nay	Năm trước
Tiền phạt thu được		
Các khoản khác	3.966.636	5.409.300
<b>Cộng</b>	<b>3.966.636</b>	<b>5.409.300</b>

**07. Chi phí khác**

	Năm nay	Năm trước
Các khoản khác	20.885.116	22.583.889
<b>Cộng</b>	<b>20.885.116</b>	<b>22.583.889</b>

**08. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

**8.a Chi phí bán hàng**

**8.b Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	5.941.156.373	5.304.921.449
Chi phí đồ dùng văn phòng	120.490.534	465.789.015
Chi phí khấu hao TSCĐ	348.775.865	355.670.337
Thuế, phí và lệ phí	13.486.736	17.329.245
Chi phí dịch vụ mua ngoài	193.491.431	423.850.490
Chi phí bằng tiền khác	2.802.544.778	1.719.766.852
<b>Cộng</b>	<b>9.419.945.717</b>	<b>8.287.327.388</b>





## 09. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (1)	4.173.203.501	4.052.611.201
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán		
<i>Các khoản điều chỉnh tăng (2)</i>	20.885.116	22.583.889
Các khoản khác	20.885.116	22.583.889
<i>Các khoản điều chỉnh giảm (3)</i>		
Lỗ năm trước chuyển sang (4)		
Tổng lợi nhuận tính thuế (5)=(1)+(2)-(3)-(4)	4.194.088.617	4.075.195.090
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (6)	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập tính thuế năm hiện hành (7)=(5)*(6)	838.817.723	815.039.018
Các khoản điều chỉnh tăng thuế TNDN năm 2016-2017	8.448.000	
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay (8)		
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>847.265.723</b>	<b>815.039.018</b>

## VII. Những thông tin khác

## 1. Thông tin với các bên liên quan

*Thu nhập đã chi trả trong năm*

	Chức vụ	Năm nay	Năm trước
<b>Ban Giám đốc và kế toán trưởng</b>		<b>1.527.793.824</b>	<b>1.212.082.150</b>
Ông Lê Văn Đề	Chủ tịch	396.000.000	416.617.102
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Giám đốc	378.000.000	286.393.466
Ông Lương Văn Hoan	Phó Giám đốc	324.000.000	344.162.454
Ông Vương Trọng Khánh	Phó Giám đốc	324.000.000	64.336.636
Ông Lê Sơn Đông	Phụ trách kế toán	105.793.824	100.572.492
<b>Ban kiểm soát</b>		<b>48.600.000</b>	<b>43.660.000</b>
Bà Đỗ Thị Thái Hà	Kiểm soát viên	48.600.000	43.660.000
<b>Cộng</b>		<b>1.576.393.824</b>	<b>1.255.742.150</b>

## 2. Thông tin về hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính này được lập trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.



**3. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty TNHH Một thành viên Xổ số Kiến thiết Tuyên Quang đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế PNT và điều chỉnh theo kết quả kiểm tra bởi Sở Tài chính tỉnh Tuyên Quang; quyết định phê duyệt quỹ lương bởi Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang và Biên bản thanh tra thuế ngày 05/09/2018.

Theo đó, một số số liệu đã thay đổi so với số liệu ngày 31/12/2017 tại Báo cáo tài chính đã được kiểm toán, cụ thể như sau:

	Số liệu sau thanh, kiểm tra của các cơ quan có thẩm quyền và trình bày lại tại 31/12/2017 VND	Số liệu đã kiểm toán và trình bày tại 31/12/2017 VND
<b><i>Bảng cân đối kế toán</i></b>		
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	300.106.512	276.025.112
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	3.113.770.467	3.215.090.453
Phải trả người lao động	970.287.058	849.880.058
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	947.255.842	942.261.456
<b><i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</i></b>		
Chi phí quản lý doanh nghiệp	8.287.327.388	8.166.920.388
Chi phí thuế TNDN hiện hành	839.120.418	815.039.018
Lợi nhuận sau thuế TNDN	3.333.897.783	3.237.572.183

Tuyên Quang, ngày 20 tháng 01 năm 2019

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc





Lê Sơn Đông

Nguyễn Thanh Tùng

